

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu cử, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức các thành viên UBND;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 758/TTr-SNV ngày 05 tháng 10 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**1. Tổng số lượng cán bộ, công chức**

- 1.1. Đối với xã, phường, thị trấn loại I không quá 23 người
- 1.2. Đối với xã, phường, thị trấn loại II không quá 21 người
- 1.3. Đối với xã, phường, thị trấn loại III không quá 19 người

## 2. Cơ cấu cán bộ, công chức theo chức danh

### 2.1. Cán bộ:

a) Các chức danh Bí thư Đảng ủy; Phó Bí thư Đảng ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ; Chủ tịch Hội Nông dân; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh: mỗi chức danh bố trí 01 người.

b) Chức danh Phó Chủ tịch UBND: Đối với xã, phường, thị trấn loại I, loại II: bố trí không quá 02 người; đối với xã, phường, thị trấn loại III: bố trí 01 người.

### 2.2. Công chức:

a) Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự, Trưởng Công an, Tài chính - Kế toán: mỗi chức danh bố trí 01 người.

b) Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (*Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường đối với phường, thị trấn*); Tư pháp - Hộ tịch; Văn hóa - Xã hội: mỗi chức danh bố trí không quá 02 người.

c) Văn phòng - Thống kê: đối với xã, phường, thị trấn loại I: bố trí không quá 04 người; đối với xã, phường, thị trấn loại II: bố trí không quá 03 người; đối với xã, phường, thị trấn loại III: bố trí không quá 02 người.

## 3. Các quy định khác

3.1. Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân đồng thời là Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy.

3.2. Đối với các phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân, bố trí giảm 01 người theo quy định; Đối với xã, thị trấn (*không bao gồm phường*) bố trí chức danh công chức Trưởng Công an là công an chính quy thì số lượng giảm đi 01 người so với quy định.

3.3. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1, Điều 1 bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã. Riêng trường hợp luân chuyển về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện theo Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ về số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

3.4. Số lượng Phó Chủ tịch UBND xã loại II thực hiện 01 người đến hết nhiệm kỳ 2016-2021, khi bầu ra Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026, số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn loại II thực hiện theo điểm 2.1, khoản 2, Điều 1 Quyết định này.

## Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Xây dựng phương án bố trí cán bộ, công chức cấp xã theo Quyết định này trình Sở Nội vụ thẩm định cho ý kiến bằng văn bản trước khi triển khai, thực hiện.



2. Sở Nội vụ: Thẩm định phương án bố trí cán bộ, công chức cấp xã của UBND các huyện, thành phố; Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

3. Sở Tài chính: Hướng dẫn lập dự toán ngân sách hằng năm trong thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã.

4. Bảo hiểm xã hội tỉnh: Hướng dẫn về hồ sơ và chịu trách nhiệm thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội đối với cán bộ cấp xã theo quy định.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 3264/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao số lượng, chức danh cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Sơn La.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Sơn La;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Hiệp(25b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Quốc Khánh**